

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3425/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 24 tháng 12 năm 2015

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bộ tiêu thức phân công quản lý thuế đối với doanh nghiệp  
hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;

Thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016;

Căn cứ Thông tư số 127/2015/TT-BTC ngày 21/8/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp mã số thuế doanh nghiệp thành lập mới và phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND8 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương ngày 11/12/2015 về việc ban hành Bộ tiêu thức phân công quản lý thuế đối với tổ chức, doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Xét đề nghị của Cục Thuế tỉnh Bình Dương tại Tờ trình số 14591/TTr-CT ngày 21/12/2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Bộ tiêu thức phân công quản lý thuế đối với các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương (kèm theo phụ lục Bộ tiêu thức phân công quản lý thuế).

**Điều 2.** Phạm vi và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi áp dụng:

Bộ tiêu thức phân công quản lý thuế đối với tổ chức, doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện đăng ký thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

**Điều 3.** Trách nhiệm thi hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Cục Thuế, BQL các khu công nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**CHỦ TỊCH**  
**Đã ký: Trần Văn Nam**

**Phụ lục****BỘ TIÊU THỨC PHÂN CÔNG QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP  
HOẠT ĐỘNG SXKD TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3425/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

**I. Tổ chức, doanh nghiệp phân công Cục Thuế quản lý**

Tổ chức, doanh nghiệp thỏa mãn 1 trong các tiêu thức sau sẽ được phân công cho Cục Thuế quản lý.

**1. Phân công theo loại hình doanh nghiệp và quy mô vốn điều lệ**

Bao gồm:

- Doanh nghiệp có vốn nhà nước;
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;
- Doanh nghiệp dự án BOT (Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao), BTO (Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh), BT (Xây dựng - Chuyển giao);
- Doanh nghiệp có quy mô vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng trở lên (trừ một số doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nêu tại mục II phụ lục này);
- Doanh nghiệp, chi nhánh sản xuất mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt;
- Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp trong và ngoài công lập;
- Doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh xuất khẩu thường xuyên thuộc đối tượng hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT);
- Doanh nghiệp thuộc trường hợp hoàn thuế GTGT (phát sinh hoàn thuế GTGT) theo quy định trừ trường hợp hoàn thuế GTGT do phát sinh từ hoạt động đầu tư mới, đầu tư mở rộng, âm thuế liên tục do tồn kho, giải thể, nộp thừa.

**2. Phân công theo ngành nghề kinh doanh**

Các ngành nghề kinh doanh thuộc mã ngành theo bảng sau sẽ phân công cho Cục Thuế quản lý (không phụ thuộc quy mô vốn):

| STT | Mã ngành | Tên ngành                       |
|-----|----------|---------------------------------|
| 1   |          | Khai thác than cứng và than non |
| 2   | B0510    | Khai thác và thu gom than cứng  |
| 3   | B0610    | Khai thác dầu thô               |
| 4   | B0620    | Khai thác khí đốt tự nhiên      |

|    |       |   |
|----|-------|---|
| 5  | B0710 | Khai thác quặng sắt   |
| 6  | B0721 | Khai thác quặng uranium và quặng thorium  |
| 7  | B0722 | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt  |
| 8  | B0730 | Khai thác quặng kim loại quý hiếm   |
| 9  | D3510 | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện  |
| 10 | D3520 | Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống                                 |
| 11 | H5011 | Vận tải hành khách ven biển và viễn dương   |
| 12 | H5012 | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương   |
| 13 | K6411 | Hoạt động ngân hàng trung ương  |
| 14 | K6419 | Hoạt động trung gian tiền tệ khác   |
| 15 | K6420 | Hoạt động công ty nắm giữ tài sản   |
| 16 | K6430 | Hoạt động quỹ tín thác, các quỹ và các tổ chức tài chính khác (trừ Hợp tác xã tín dụng)   |
| 17 | K6491 | Hoạt động cho thuê tài chính  |
| 18 | K6492 | Hoạt động cấp tín dụng khác   |
| 19 | K6499 | Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) |
| 20 | K6511 | Bảo hiểm nhân thọ   |
| 21 | K6512 | Bảo hiểm phi nhân thọ   |
| 22 | K6520 | Tái bảo hiểm  |
| 23 | K6530 | Bảo hiểm xã hội   |
| 24 | K6611 | Quản lý thị trường tài chính  |
| 25 | K6612 | Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán   |
| 26 | K6619 | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu                                 |
| 27 | K6621 | Đánh giá rủi ro và thiệt hại  |
| 28 | K6622 | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm   |
| 29 | K6629 | Hoạt động hỗ trợ khác cho bảo hiểm và bảo hiểm xã hội                                     |
| 30 | K6630 | Hoạt động quản lý quỹ   |

|    |       |   |
|----|-------|---|
| 31 | L6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê |
| 32 | M6920 | Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế                          |
| 33 | R9200 | Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc  |
| 34 | U9900 | Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế  |

*Trường hợp doanh nghiệp được cấp phép hoạt động sản xuất, kinh doanh nhiều ngành nghề thì căn cứ ngành nghề chính ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư để phân công.*

## **II. Phân công Chi cục Thuế quản lý doanh nghiệp:**

- Phân công Chi cục Thuế quản lý đối với tổ chức, doanh nghiệp ngoài các tổ chức, doanh nghiệp nêu tại Mục I phụ lục này.

- Các tổ chức, doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh: Nhà hàng, khách sạn, karaoke, massage, doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, xe gắn máy, điện máy, kinh doanh vật liệu xây dựng, trồng trọt, chăn nuôi và mua, bán, chế tác vàng bạc, đá quý, đồ trang sức (không phân biệt quy mô vốn).

Các trường hợp khác chưa được quy định trong Quyết định này thì thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế./.